TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 318/2024/DS-ST
Ngày 27-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thắng.

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 769/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2024, về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 411/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2024; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn M, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Tăng Văn N, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 6 năm 2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn M trình bày: Ông N có thuê ông nạo vét con mương lấy đất đổ lên bờ, việc thuê này do các bên thoả thuận miệng không lập thành văn bản, tiến hành nạo vét đối với hai con mương (một con mương giá thuê là 500.000 đồng và một con mương thứ hai là 600.000 đồng, tổng số tiền là 1.100.000 đồng). Tuy nhiên, khi thực hiện công công ông có tiến hành chủ động nạo vét thêm cả phần đáy mương nên lượng công việc nhiều hơn thoả thuận, do đó ông yêu cầu ông N trả ông số tiền là 1.600.000 đồng. Ông xác định, ông có tạm ứng số tiền 300.000 đồng từ ông N nên ông tiếp tục yêu cầu ông N trả ông số tiền còn lại là 1.300.000 đồng. Tại đơn khởi kiện ông có yêu cầu ông N thanh toán cho ông số tiền mà ông thuê người viết đơn và chi phí ông đi lại tổng là 1.200.000 đồng, tại phiên

toà ông không yêu cầu số tiền này, chỉ yêu cầu ông N trả ông số tiền 1.300.000 đồng.

Lời khai tại biên bản hoà giải ngày 04 tháng 9 năm 2024, bị đơn ông Tăng Văn N trình bày: Ông thống nhất với trình bày của nguyên đơn về việc giữa các bên có thoả thuận với nhau, theo đó, ông có thuê ông M thực hiện công việc nạo vét hai con mương với giá là 1.100.000 đồng (một con mương giá 500.000 đồng và một con mương còn lại giá thuê là 600.000 đồng). Hai bên thoả thuận miệng không lập thành văn bản, hiện ông M đã làm xong nên ông đồng ý trả tiền thuê theo thoả thuận trên, do ông M có nhận trước từ ông 300.000 đồng nên hiện ông trả tiếp cho ông M 800.000 đồng còn lại, không đồng ý trả số tiền 1.300.000 đồng như yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Văn M khởi kiện yêu cầu ông Tăng Văn N trả tiền công đã thuê ông để cải tạo mương nước và thực hiện một số công việc khác là tranh chấp hợp đồng dịch vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông N cư trú tại xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn ông N vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai. Áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông N.

[3] Ông M, ông N đều thống nhất, ông N có thuê ông M nạo vét mương nước để lấy đất đắp lên bờ mương với số tiền thuê cho hai mương là 1.100.000 đồng và ông N đã trả trước 300.000 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh do đã được các đương sự thừa nhận. Theo như ông M, ông đã nạo vét cả phần đáy mương nên lượng công việc ông đã làm nhiều hơn thỏa thuận nên ông yêu cầu tính tiền công với số tiền 1.600.000 đồng, ông N không đồng ý với đề nghị này. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo quy định tại khoản 1 Điều 517 của Bộ luật dân sự quy định bên cung ứng dịch vụ có nghĩa vụ *"Thực hiện công việc đúng chất lượng, số lượng, thời hạn, địa điểm và thỏa thuận khác"*. Ông M thực hiện công việc nhiều hơn ông N yêu cầu nhưng không được sự đồng ý của ông N, các bên không có thỏa thuận về việc thực hiện vượt quá số lượng công việc được giao nên việc ông M thực hiện vượt quá là không đúng nghĩa vụ của mình. Do đó, đối với số tiền 500.000 đồng tăng thêm là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với số tiền 800.000 đồng ông N còn nợ của ông M, căn cứ khoản 1 Điều 519 của Bộ luật dân sự, ông N phải trả cho ông M số tiền này do ông M đã thực hiện xong công việc được thuê.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội, vì hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của ông M nên ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ không được chấp nhận là 300.000 đồng. Ông N phải trả tiền cho ông M nên ông N cũng phải chịu án phí đối với nghĩa vụ của ông là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 517, khoản 1 Điều 519 của Bộ luật dân sự, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn M.

1. Buộc ông Tăng Văn N phải trả cho ông Trần Văn M số tiền 800.000 (tám trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Trần Văn M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà ông M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005449 ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Ông Tăng Văn N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hợp